

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 08/6/2026 của Bộ Chính trị, Chương trình hành động số 22-CTr/TU, ngày 30/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 73-KH/ĐU, ngày 06/8/2026 của Đảng ủy UBND tỉnh về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

Thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 08/6/2026 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; Chương trình hành động số 22-CTr/TU, ngày 30/7/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Kế hoạch số 73-KH/ĐU, ngày 06/8/2026 của Đảng ủy UBND tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện đồng bộ, hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 10-NQ/TW, Chương trình hành động số 22-CTr/TU và Kế hoạch số 73-KH/ĐU; tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị về vị trí, vai trò của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

- Xác định rõ nhiệm vụ trọng tâm, sản phẩm đầu ra, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và tiến độ thực hiện; gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả triển khai, bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả và rõ thẩm quyền.

- Tăng cường phối hợp, theo dõi, kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; nâng cao chất lượng thu hút, quản lý và sử dụng vốn đầu tư nước ngoài, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng nhanh, bền vững của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 10-NQ/TW, Chương trình hành động số 22-CTr/TU và Kế hoạch số 73-KH/ĐU; bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng cơ quan, đơn vị và điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Việc triển khai phải chủ động, quyết liệt, thực chất, có trọng tâm, trọng điểm; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, trách nhiệm giải trình; không làm phát sinh thủ tục, rào cản không cần thiết đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh hợp pháp.

- Các nhiệm vụ phải được lồng ghép vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm và 05 năm của cơ quan, đơn vị; thường xuyên rà soát, cập nhật, điều chỉnh giải pháp phù hợp với tình hình thực tiễn.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đưa Đắk Lắk trở thành điểm đến hấp dẫn ở khu vực duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên trong thu hút nguồn vốn nước ngoài chất lượng cao; quản lý và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư nước ngoài nhằm khai thác tối đa tiềm năng về nông nghiệp, năng lượng tái tạo, du lịch; tạo sự liên kết, lan tỏa với doanh nghiệp trong tỉnh; góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực địa phương và không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế đơn thuần.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Giai đoạn 2026-2030, phấn đấu thu hút vốn đầu tư nước ngoài đăng ký khoảng 1.400 triệu USD (khoảng 280 triệu USD/năm), vốn thực hiện khoảng 700 triệu USD (khoảng 140 triệu USD/năm), góp phần vào mục tiêu tăng trưởng 02 con số hằng năm của tỉnh.

- Thu hút các tập đoàn đa quốc gia, doanh nghiệp nước ngoài có công nghệ tiên tiến nghiên cứu, đầu tư các trung tâm nghiên cứu, thiết kế, đổi mới sáng tạo, dữ liệu, trụ sở khu vực, trung tâm điều hành, trung tâm mua sắm, dịch vụ dùng chung và các dự án có khả năng tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- Phấn đấu tỷ trọng lao động qua đào tạo trong cơ cấu sử dụng lao động đạt khoảng 80%; nâng cao tỷ lệ lao động địa phương đảm nhiệm các vị trí kỹ thuật, quản lý, nghiên cứu, thiết kế, vận hành và chuỗi cung ứng trong các dự án đầu tư nước ngoài tại tỉnh.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức về vị trí, vai trò của kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

1.1. Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 10-NQ/TW, Chương trình hành động số 22-CTr/TU, Kế hoạch số 73-KH/ĐU và Kế hoạch này; nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và cộng đồng doanh nghiệp về vai trò của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đối với phát triển kinh tế - xã hội, chuyển giao công nghệ, mở rộng thị trường, nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế của tỉnh.

1.2. Các sở, ban, ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch công tác; xác định mục tiêu, nhiệm vụ và sản phẩm đầu ra cụ thể; chuyển mạnh từ tư duy quản lý hành chính sang kiến tạo phát triển, quản trị theo kết quả; ưu tiên chất lượng, hiệu quả, công nghệ, liên kết và đóng góp thực chất thay vì thu hút đầu tư theo số lượng.

2. Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương và văn hóa công vụ

2.1. Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, quy định quản lý thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn; kịp thời phát hiện quy định chồng chéo, bất cập, không phù hợp, điều kiện kinh doanh không cần thiết để xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, sửa đổi.

2.2. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuẩn hóa, số hóa và liên thông quy trình giải quyết thủ tục liên quan đến đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, quy hoạch, xây dựng, thuế, hải quan, lao động, khoa học và công nghệ; tăng cường khai thác dữ liệu số, công khai, minh bạch, giảm thời gian xử lý và chi phí tuân thủ cho nhà đầu tư, doanh nghiệp.

2.3. Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong thanh tra, kiểm tra, giám sát; hạn chế chồng chéo, trùng lặp; gắn phân cấp, phân quyền với trách nhiệm giải trình và hậu kiểm hiệu quả; kịp thời xử lý vi phạm theo quy định pháp luật.

3. Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài

3.1. Triển khai có hiệu quả Chương trình hành động số 18-CTr/TU, ngày 15/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với định hướng phát triển các ngành mũi nhọn của tỉnh giai đoạn 2026-2030; tăng cường liên kết giữa cơ quan nhà nước, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp, gắn đào tạo với nhu cầu vị trí việc làm tại các dự án đầu tư nước ngoài.

3.2. Tiếp tục triển khai các chính sách thu hút, trọng dụng chuyên gia, nhà khoa học, doanh nhân, người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài có trình độ cao đến làm việc, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp tại tỉnh; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước và hỗ trợ xúc tiến đầu tư.

4. Nâng cấp, hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ thu hút đầu tư chiến lược

4.1. Ưu tiên bố trí và huy động các nguồn lực hợp pháp để triển khai các dự án hạ tầng chiến lược, hạ tầng kết nối, logistics, hạ tầng số, năng lượng và các vùng động lực; chủ động chuẩn bị điều kiện về mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật cho các dự án trung tâm dữ liệu, nghiên cứu và phát triển, công nghiệp chiến lược và dự án chất lượng cao.

4.2. Rà soát quy hoạch, chuẩn bị quỹ đất sạch, đẩy nhanh giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng kết nối và phát triển hệ sinh thái dịch vụ hỗ trợ; nâng cao chất lượng hạ tầng tại khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo hướng sinh thái, thông minh, chuyên ngành, gắn với hạ tầng xã hội phục vụ người lao động và chuyên gia.

5. Đổi mới định hướng thu hút đầu tư nước ngoài theo ngành, lĩnh vực, địa bàn

5.1. Xây dựng, định kỳ cập nhật danh mục dự án ưu tiên thu hút đầu tư phù hợp với quy hoạch, tiềm năng, lợi thế, định hướng phát triển vùng và địa phương; chú trọng các dự án hạ tầng động lực như đô thị, cảng biển, khu, cụm công nghiệp, thương mại - dịch vụ, trung tâm logistics, kho bãi hiện đại và trung tâm trung chuyển hàng hóa đa phương.

5.2. Lồng ghép định hướng thu hút đầu tư nước ngoài trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và 05 năm; tổ chức xúc tiến đầu tư theo hướng chủ động, có trọng tâm, trọng điểm, dựa trên dữ liệu; ưu tiên tiếp cận nhà đầu tư chiến lược, dự án chất lượng cao, công nghệ tiên tiến, có khả năng lan tỏa, liên kết với doanh nghiệp trong tỉnh.

5.3. Tăng cường hỗ trợ sau cấp phép, theo dõi tiến độ dự án, chủ động tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư; gắn công tác xúc tiến với kết quả triển khai dự án và mức độ thực hiện cam kết của nhà đầu tư.

6. Thúc đẩy kinh tế xanh, kinh tế số, chuyển giao công nghệ và liên kết với khu vực kinh tế trong nước

6.1. Khuyến khích doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài cam kết chuyển giao công nghệ, nghiên cứu và phát triển, nâng cao tỷ lệ giá trị gia tăng trong nước, phát triển nhà cung ứng nội địa, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và áp dụng các tiêu chuẩn ESG về môi trường, xã hội và quản trị.

6.2. Phối hợp triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã của tỉnh nâng cao năng lực quản trị, công nghệ, tiêu chuẩn, tài chính, truy xuất nguồn gốc và khả năng tham gia chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

7. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

7.1. Hoàn thiện cơ chế phối hợp và cơ sở dữ liệu phục vụ theo dõi khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; định kỳ rà soát, phân loại dự án, giám sát tiến độ, việc thực hiện các cam kết, nghĩa vụ của nhà đầu tư; kịp thời tham mưu giải pháp tháo gỡ khó khăn hoặc xử lý vi phạm theo quy định.

7.2. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng đất đai, tài nguyên, năng lượng, công nghệ, môi trường và các ưu đãi đầu tư; thực hiện giám định độc lập khi cần thiết đối với giá trị vốn góp, máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ theo quy định.

7.3. Kịp thời biểu dương, đề xuất khen thưởng doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài tuân thủ pháp luật, có đóng góp tích cực, thực chất, dài hạn cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

8. Nâng cao chất lượng đội ngũ; tăng cường phối hợp với các cơ quan liên quan trong phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài

8.1. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tham mưu quản lý nhà nước, hỗ trợ, xúc tiến đầu tư; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng về pháp luật đầu tư, kỹ năng xúc tiến, đàm phán, ngoại ngữ, chuyên đổi số và quản trị dự án.

8.2. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, hiệp hội doanh nghiệp và cộng đồng doanh nghiệp trong tuyên truyền, vận động, giám sát, phản biện xã hội, tiếp nhận và phản ánh kiến nghị liên quan đến chính sách phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài chính

- Là cơ quan đầu mối, chủ trì theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai Kế hoạch; chủ động phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương và đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh xử lý các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Chủ trì tham mưu các nội dung về định hướng, danh mục thu hút đầu tư nước ngoài; xúc tiến, hỗ trợ đầu tư; theo dõi, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện dự án đầu tư thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch, tham mưu UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh và cơ quan có thẩm quyền; tham mưu sơ kết, tổng kết theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành, đơn vị và UBND các xã, phường

- Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch và Phụ lục kèm theo, chủ động xây dựng kế hoạch hoặc lồng ghép vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm và 05 năm; bố trí nguồn lực thực hiện theo quy định; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về tiến độ và kết quả thực hiện.

- Tăng cường phối hợp liên ngành; chủ động trao đổi, xử lý theo thẩm quyền hoặc kịp thời báo cáo UBND tỉnh đối với các nội dung vượt thẩm quyền; bảo đảm không để chông chéo, kéo dài thời gian xử lý hồ sơ, thủ tục của nhà đầu tư, doanh nghiệp.

- Định kỳ hằng năm và khi có yêu cầu, báo cáo tình hình, kết quả thực hiện về Sở Tài chính để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh.

3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, lồng ghép trong các chương trình, đề án, kế hoạch có liên quan và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật. Các cơ quan, đơn vị căn cứ nhiệm vụ được giao chủ động xây dựng dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Đảng ủy UBND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- CVP, các PCVPUBND tỉnh;
- Các phòng, ban, TT (VP. UBND tỉnh);
- Lưu: VT, ĐTKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Công Thái